TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/DS-KDTM
Ngày 17 - 4 - 2024
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Nghĩa

2. Ông Nguyễn Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2023/TLST- KDTM ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐST- KDTM ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - Chủ tịch HĐQT Ngân hàng T

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T - Phó phòng tổng hợp Ngân hàng T, chi nhánh Quảng Bình

Địa chỉ: Số 50 Lý Thường Kiệt, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1976

Cùng cư trú: Tổ dân phố X, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2023, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên toà, nguyên đơn Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) trình bày:

Ngày 12/10/2022, ông Nguyễn Văn V và Hoàng Thị N đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 868007652570/2022-HĐCVHM/NHCT470 với Ngân hàng V - Chi nhánh Quảng Bình để vay số tiền: 1.180.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng; phương thức cho vay: hạn mức; mục đích là bổ sung vốn kinh doanh thủy hải sản; lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là 8,6%/năm.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên, ông V, bà N đã thế chấp Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1492, tờ bản đồ số 10 tại tổ dân phố X, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, diện tích 175,2m^2, trong đó: đất ở 124m^2; đất trồng cây hàng năm khác 51,2m^2 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 470-89-800376055-170-VINHNGA/HĐTC, ngày 23/01/2017; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 470-089-800376055-170-VINHNGA/HĐTCBS, ngày 24/09/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 470-089-800376055-170-VINHNGA/HĐTCBS, ngày 06/08/2019; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 044176000366/VINHNGA/2021/HĐTCBS01, ngày 09/08/2021; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 800376055-NGAVINH/2022/HĐTCBS02/NHCT470, ngày 12/10/2022 đã ký kết với Ngân hàng V, Chi nhánh Quảng Bình - phòng Giao dịch B để thế chấp cho Ngân hàng V

Trong thời gian vay vốn, ông V, bà N đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi là 48.818.312 đồng. Từ ngày 05/06/2023, khoản vay đến kỳ hạn trả gốc, lãi nhưng ông V, bà N không thực hiện được nên khoản vay bị chuyển nợ quá hạn theo quy định. Nay Ngân hàng V khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông V, bà N phải trả tổng số nợ còn lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 1.326.539.565 đồng. Trong đó: nợ gốc 1.180.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 113. 799.130 đồng, nợ lãi quá hạn 32.740.435 đồng.

Trường hợp ông V, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V yêu cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp và các Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản mà hai bên đã ký kết để thu hồi nợ. Sau khi xử lý hết tài sản thế chấp nêu trên mà vẫn không thu đủ nợ cho Ngân hàng

thì ông Nguyễn Văn V, bà Hoàng Thị N vẫn phải có trách nhiệm tiếp tục trả nợ và Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế, kê biên phát mại các tài sản khác của ông Nguyễn Văn V, bà Hoàng Thị N để thu hồi toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Hoàng Thị N trình bày:

Ngày 12/10/2022, vợ chồng ông bà đã ký với Ngân hàng V - Chi nhánh Quảng Bình Hợp đồng cho vay hạn mức số 868007652570/2022-HĐCVHM/NHCT470 ngày 12/10/2022 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản như Ngân hàng đã trình bày để vay số tiền 1.180.000.000 đồng; phương thức cho vay: Hạn mức; thời hạn cho vay 12 tháng; mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh thủy hải sản; lãi suất cho vay là 8,6%/năm.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên, vợ chồng ông bà đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 134389, số vào sổ cấp GCN: CH02868 do UBND thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/10/2016 cho Ngân hàng. Quá trình vay vốn, vợ chồng ông bà đã trả cho Ngân hàng V tổng số tiền lãi là 48.818.312 đồng. Tuy nhiên, do làm ăn khó khăn nên vợ chồng ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng V khởi kiện thì ông bà đề nghị cho ông bà kéo dài thời hạn trả nợ và giảm lãi cho vợ chồng ông bà.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vấn đề gì vi phạm. Nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 116, 117, 119, 317, 318, 319, 320, 322, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng năm 2010; Điều 3, Điều 7 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Hoàng Thị N;

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, buộc ông Nguyễn Văn V, bà Hoàng Thị N trả toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử (17/4/2024) là 1.326.539.565 đồng. Trong đó: nợ gốc 1.180.000.000 đồng và toàn bộ số tiền lãi và phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký giữa ông V, bà N với Ngân hàng V. Trường hợp ông Nguyễn Văn V và bà Hoàng Thị N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 194103420-THUHE-DĐ223366/2022/HĐBĐ/NHCT470, ngày 14/06/2022 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản đã ký kết để thu hồi nợ.

+ Về án phí và chi phí tố tụng: Buộc bị đơn chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí theo quy định; hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ngân hàng V có đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" đối với ông Nguyễn Văn V và bà Hoàng Thị N. Hiện tại ông V, bà N đang có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố X, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Hoàng Thị N. Tuy nhiên, ông V, bà N đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn ông V, bà N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét thấy, Hợp đồng cho vay hạn mức số 868007652570/2022-HĐCVHM/NHCT470 ngày 12/10/2022, đã được ký kết giữa Ngân hàng V - Chi nhánh Quảng Bình với ông Nguyễn Văn V, bà Hoàng Thị N được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 119 Bộ luật Dân sự nên hoàn toàn hợp pháp. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông V, bà N đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, vi phạm định kỳ trả nợ, vi phạm hợp đồng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng V. Phía Ngân hàng V đã nhiều lần yêu cầu ông V, bà N trả nợ nhưng tính đến ngày 17/4/2024, ông V, bà N chỉ thanh toán được tổng số tiền lãi là 48.818.312 đồng, hiện còn dư nợ tại Ngân hàng V số tiền 1.326.539.565 đồng. Trong đó: nợ gốc 1.180.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 113.799.130 đồng, nợ lãi quá hạn 32.740.435 đồng. Vì vậy, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn V, bà Hoàng Thị N trả toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/4/2024 là 1.326.539.565 đồng là đúng với thoả thuận của các bên và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng Ngân hàng nên cần được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Xét Hợp đồng thế chấp bất động sản số 470-89-800376055-170-VINHNGA/HĐTC, ngày 23/01/2017; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 470-089-800376055-170-VINHNGA/HĐTCBS, ngày 24/09/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 470-089-800376055-170-VINHNGA/HĐTCBS, ngày 06/08/2019; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 044176000366/VINHNGA/2021/HĐTCBS01, ngày 09/08/2021; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 800376055-NGAVINH/2022/HĐTCBS02/NHCT470, ngày 12/10/2022, được ký kết dựa trên ý chí tự nguyện và các bên đều có đủ năng lực tham gia giao dịch dân sự; mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng đúng quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 134389, số vào sổ cấp GCN: CH02868 do UBND thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/10/2016 cho ông Nguyễn Văn V bà Hoàng Thị N. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp nêu trên là hoàn toàn hợp pháp. Nay ông V, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng V yêu cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận

[3] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, xét thấy cần thiết phải tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nên Ngân hàng V đã nộp 3.000.000 đồng để phục vụ cho Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ. Do yêu cầu về việc xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng V được chấp nhận nên buộc ông V, bà N phải nộp 3.000.000 đồng

tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để trả lại cho Ngân hàng V theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Hoàng Thị N phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 51.787.000 đồng *(năm mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng)* để nộp ngân sách Nhà nước;

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 116, 117, 119, 317, 319, 320, 322, 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Hoàng Thị N.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V, buộc ông Nguyễn Văn V, bà Hoàng Thị N phải trả cho Ngân hàng V số tiền còn nợ tính đến ngày 17/4/2024 là 1.326.539.565 đồng. Trong đó: nợ gốc 1.180.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 113.799.130 đồng, nợ lãi quá hạn 32.740.435 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn V, bà Hoàng Thị N không trả được nợ thì Ngân hàng V được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 134389, số vào sổ cấp GCN: CH02868 do UBND thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/10/2016 cho ông Nguyễn Văn V và bà Hoàng Thị N, tại thửa đất số 1492, tờ bản đồ số 10 tại tổ dân phố X, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình để thu hồi nợ. Sau khi xử lý hết tài sản thế chấp nêu trên mà vẫn không thu đủ nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án Dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử

dụng của ông Nguyễn Văn V và bà Hoàng Thị N để thu hồi toàn bộ nợ vay theo quy định của pháp luật.

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (17/4/2024) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn V, bà Hoàng Thị N phải nộp 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để hoàn trả cho Ngân hàng V.

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn V, bà Hoàng Thị N phải nộp 51.787.000 đồng *(năm mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp Ngân sách Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.710.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003701 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

5. Về quyền kháng cáo: án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.